

Phụ lục số 1 : Mẫu báo cáo gửi Sở giao dịch chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán
VPBank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 556/CV- VPBankS

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2025

BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 06/2025

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần chứng khoán VPBank xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ như sau:

- Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABR			ABR
3	ABT			ABT
4	ACB			ACB
5	ACC			ACC
6	ACG			ACG
7	ACL			ACL
8	ADG			ADG
9	ADP			ADP
10	ADS			ADS
11	AGG			AGG
12	AGR			AGR
13	ANV			ANV
14	ASG			ASG
15	ASM			ASM
16	AST			AST

17	BAF			BAF
18	BBC			BBC
19	BCM			BCM
20	BFC			BFC
21	BHN			BHN
22	BIC			BIC
23	BID			BID
24	BKG			BKG
25	BMC			BMC
26	BMI			BMI
27	BMP			BMP
28	BRC			BRC
29	BSI			BSI
30	BTP			BTP
31	BTT			BTT
32	BVH			BVH
33	BWE			BWE
34	C32			C32
35	CCI			CCI
36	CCL			CCL
37	CDC			CDC
38	CHP			CHP
39	CII			CII
40			CKG	CKG
41	CLC			CLC
42			CLL	CLL
43	CLW			CLW
44	CMG			CMG
45	CMV			CMV
46	CNG			CNG
47	COM			COM
48	CRC			CRC

49	CSM			CSM
50	CSV			CSV
51	CTD			CTD
52	CTF			CTF
53	CTG			CTG
54	CTI			CTI
55	CTR			CTR
56	CTS			CTS
57	CVT			CVT
58			D2D	D2D
59	DAH			DAH
60	DAT			DAT
61	DBC			DBC
62	DBD			DBD
63	DBT			DBT
64	DC4			DC4
65	DCL			DCL
66	DCM			DCM
67	DGC			DGC
68	DGW			DGW
69	DHA			DHA
70	DHC			DHC
71	DHG			DHG
72	DHM			DHM
73	DIG			DIG
74	DMC			DMC
75	DPG			DPG
76	DPM			DPM
77	DPR			DPR
78	DRC			DRC
79	DRL			DRL
80			DSE	DSE

81	DSN			DSN
82	DTA			DTA
83	DTT			DTT
84	DVP			DVP
85	DXG			DXG
86	DXS			DXS
87	EIB			EIB
88	ELC			ELC
89	EVF			EVF
90			FCM	FCM
91	FCN			FCN
92	FIR			FIR
93	FIT			FIT
94	FMC			FMC
95	FPT			FPT
96	FRT			FRT
97	FTS			FTS
98	GAS			GAS
99	GDT			GDT
100	GEE			GEE
101	GEG			GEG
102	GEX			GEX
103	GMD			GMD
104	GMH			GMH
105	GSP			GSP
106	GTA			GTA
107	GVR			GVR
108	HAH			HAH
109	HAP			HAP
110	HAR			HAR
111	HAX			HAX
112	HCD			HCD

113	HCM			HCM
114	HDB			HDB
115	HDC			HDC
116	HDG			HDG
117	HHP			HHP
118	HHS			HHS
119	HHV			HHV
120	HII			HII
121	HMC			HMC
122			HNA	HNA
123	HPG			HPG
124	HPX			HPX
125	HQC			HQC
126	HRC			HRC
127	HSG			HSG
128	HSL			HSL
129	HT1			HT1
130	HTG			HTG
131	HTI			HTI
132	HTL			HTL
133	HTN			HTN
134	HTV			HTV
135			HU1	HU1
136	HUB			HUB
137	HVH			HVH
138			ICT	ICT
139	IDI			IDI
140	IJC			IJC
141	ILB			ILB
142	IMP			IMP
143	ITC			ITC
144	KBC			KBC

145	KDC			KDC
146	KDH			KDH
147	KHG			KHG
148	KHP			KHP
149	KMR			KMR
150	KOS			KOS
151	KSB			KSB
152	L10			L10
153	LAF			LAF
154	LBM			LBM
155	LCG			LCG
156	LGC			LGC
157	LHG			LHG
158	LIX			LIX
159	LM8			LM8
160	LPB			LPB
161	LSS			LSS
162	MBB			MBB
163			MCM	MCM
164	MCP			MCP
165	MHC			MHC
166	MIG			MIG
167	MSB			MSB
168	MSH			MSH
169	MSN			MSN
170	MWG			MWG
171	NAB			NAB
172	NAF			NAF
173	NAV			NAV
174	NBB			NBB
175	NCT			NCT
176	NHA			NHA

177	NHH			NHH
178	NHT			NHT
179	NKG			NKG
180	NLG			NLG
181	NNC			NNC
182	NO1			NO1
183	NSC			NSC
184			NT2	NT2
185	NTL			NTL
186	OCB			OCB
187	OPC			OPC
188	PAC			PAC
189	PAN			PAN
190	PC1			PC1
191	PDN			PDN
192	PDR			PDR
193	PET			PET
194	PGC			PGC
195	PGD			PGD
196	PGI			PGI
197	PHC			PHC
198	PHR			PHR
199	PJT			PJT
200	PLP			PLP
201	PLX			PLX
202	PNC			PNC
203	PNJ			PNJ
204	POW			POW
205	PPC			PPC
206	PTB			PTB
207	PTC			PTC
208	PVD			PVD

209	PVP			PVP
210	PVT			PVT
211			QCG	QCG
212	QNP			QNP
213			RAL	RAL
214	REE			REE
215	S4A			S4A
216	SAB			SAB
217	SAM			SAM
218	SAV			SAV
219	SBA			SBA
220	SBG			SBG
221	SBT			SBT
222			SC5	SC5
223	SCR			SCR
224	SCS			SCS
225	SFC			SFC
226	SFG			SFG
227	SFI			SFI
228	SGN			SGN
229	SGR			SGR
230	SGT			SGT
231	SHA			SHA
232	SHB			SHB
233	SHI			SHI
234	SHP			SHP
235	SIP			SIP
236	SJD			SJD
237	SJS			SJS
238	SKG			SKG
239			SMA	SMA
240	SMB			SMB

241			SPM	SPM
242	SRC			SRC
243	SSB			SSB
244	SSC			SSC
245	SSI			SSI
246	ST8			ST8
247	STB			STB
248	STG			STG
249			STK	STK
250	SVC			SVC
251	SVI			SVI
252	SVT			SVT
253	SZC			SZC
254	SZL			SZL
255	TBC			TBC
256	TCB			TCB
257	TCH			TCH
258	TCI			TCI
259	TCL			TCL
260	TCM			TCM
261	TCO			TCO
262	TCT			TCT
263			TDC	TDC
264	TDG			TDG
265	TDM			TDM
266	TDP			TDP
267	TDW			TDW
268	TEG			TEG
269	THG			THG
270	TIP			TIP
271	TIX			TIX
272	TLD			TLD

273	TLG			TLG
274	TMP			TMP
275	TMS			TMS
276	TN1			TN1
277	TNC			TNC
278	TNH			TNH
279	TNT			TNT
280	TPB			TPB
281	TRA			TRA
282	TRC			TRC
283			TSC	TSC
284	TTA			TTA
285	TV2			TV2
286	TVB			TVB
287	TVS			TVS
288	TVT			TVT
289	TYA			TYA
290	UIC			UIC
291	VCA			VCA
292	VCB			VCB
293	VCF			VCF
294	VCG			VCG
295	VCI			VCI
296	VDP			VDP
297	VDS			VDS
298	VFG			VFG
299	VGC			VGC
300	VHC			VHC
301	VHM			VHM
302	VIB			VIB
303	VIC			VIC
304	VID			VID

305	VIP			VIP
306	VIX			VIX
307	VJC			VJC
308	VMD			VMD
309	VND			VND
310	VNG			VNG
311	VNL			VNL
312	VNM			VNM
313	VNS			VNS
314	VOS			VOS
315	VPD			VPD
316	VPG			VPG
317			VPH	VPH
318	VPI			VPI
319	VPS			VPS
320	VRC			VRC
321	VRE			VRE
322	VSC			VSC
323	VSH			VSH
324	VSI			VSI
325	VTO			VTO
326	VTP			VTP
327	YBM			YBM
328	YEG			YEG

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (không phải báo cáo nội dung này khi gửi báo cáo này cho Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh)

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC			ADC
2	AMC			AMC
3	ARM			ARM

4	ATS			ATS
5	BAB			BAB
6	BAX			BAX
7	BBS			BBS
8	BCF			BCF
9	BDB			BDB
10	BED			BED
11	BKC			BKC
12	BNA			BNA
13	BPC			BPC
14	BSC			BSC
15	BST			BST
16	BTW			BTW
17	BVS			BVS
18	BXH			BXH
19	C69			C69
20			CAN	CAN
21	CAP			CAP
22	CCR			CCR
23	CDN			CDN
24	CEO			CEO
25			CET	CET
26	CIA			CIA
27	CKV			CKV
28	CLH			CLH
29	CLM			CLM
30	CMC			CMC
31	CMS			CMS
32	CPC			CPC
33	CSC			CSC
34	CTB			CTB
35			CTP	CTP

36	CTT			CTT
37	CX8			CX8
38	D11			D11
39	DAD			DAD
40	DAE			DAE
41	DC2			DC2
42	DHP			DHP
43	DHT			DHT
44			DIH	DIH
45	DL1			DL1
46	DNC			DNC
47	DNP			DNP
48	DP3			DP3
49	DST			DST
50	DTD			DTD
51	DTG			DTG
52	DTK			DTK
53	DVM			DVM
54	DXP			DXP
55	EBS			EBS
56	EID			EID
57	EVS			EVS
58	GDW			GDW
59	GIC			GIC
60	GMA			GMA
61	GMX			GMX
62	HAD			HAD
63	HAT			HAT
64	HBS			HBS
65	HCC			HCC
66			HDA	HDA
67			HEV	HEV



68	HGM			HGM
69	HHC			HHC
70	HJS			HJS
71	HKT			HKT
72	HLC			HLC
73	HMH			HMH
74	HMR			HMR
75	HTC			HTC
76	HUT			HUT
77	HVT			HVT
78			ICG	ICG
79	IDC			IDC
80	IDV			IDV
81	INC			INC
82	INN			INN
83	IPA			IPA
84	ITQ			ITQ
85	IVS			IVS
86			KDM	KDM
87	KHS			KHS
88	KMT			KMT
89	KSF			KSF
90	KST			KST
91	KSV			KSV
92	KTS			KTS
93	L14			L14
94	L18			L18
95			L40	L40
96	LAS			LAS
97			LBE	LBE
98	LHC			LHC
99	LIG			LIG

100	MAC			MAC
101			MBG	MBG
102	MBS			MBS
103	MCC			MCC
104	MCF			MCF
105	MCO			MCO
106	MDC			MDC
107	MEL			MEL
108	MKV			MKV
109			MST	MST
110	MVB			MVB
111	NAG			NAG
112	NAP			NAP
113	NBC			NBC
114	NBW			NBW
115	NDN			NDN
116			NDX	NDX
117	NET			NET
118	NFC			NFC
119			NHC	NHC
120	NSH			NSH
121	NST			NST
122	NTH			NTH
123	NTP			NTP
124			ONE	ONE
125	PBP			PBP
126	PCE			PCE
127	PCH			PCH
128	PCT			PCT
129	PDB			PDB
130	PGN			PGN
131	PGS			PGS

132	PHN			PHN
133	PIA			PIA
134	PIC			PIC
135	PJC			PJC
136	PLC			PLC
137	PMB			PMB
138	PMC			PMC
139	PMP			PMP
140	PMS			PMS
141	POT			POT
142	PPP			PPP
143	PPS			PPS
144	PPT			PPT
145	PPY			PPY
146	PRC			PRC
147	PRE			PRE
148	PSC			PSC
149	PSD			PSD
150	PSE			PSE
151	PSI			PSI
152	PSW			PSW
153	PTI			PTI
154	PTS			PTS
155			PTX	PTX
156	PVB			PVB
157	PVC			PVC
158	PVG			PVG
159	PVI			PVI
160	PVS			PVS
161	QHD			QHD
162	QST			QST
163			QTC	QTC

164	RCL			RCL
165	S55			S55
166	S99			S99
167	SAF			SAF
168	SCG			SCG
169	SCI			SCI
170	SD5			SD5
171	SD9			SD9
172	SDC			SDC
173	SDN			SDN
174	SEB			SEB
175	SED			SED
176	SFN			SFN
177	SGC			SGC
178	SGH			SGH
179	SHE			SHE
180	SHN			SHN
181	SHS			SHS
182	SJ1			SJ1
183	SJE			SJE
184	SLS			SLS
185	SMN			SMN
186			SMT	SMT
187	STC			STC
188	STP			STP
189	SVN			SVN
190	SZB			SZB
191	TA9			TA9
192	TBX			TBX
193	TDT			TDT
194	TET			TET
195	TFC			TFC

196			THB	THB
197	THD			THD
198	THS			THS
199	THT			THT
200	TJC			TJC
201			TKU	TKU
202	TMB			TMB
203	TMC			TMC
204	TMX			TMX
205	TNG			TNG
206	TOT			TOT
207	TPH			TPH
208	TPP			TPP
209	TSB			TSB
210	TTC			TTC
211	TTT			TTT
212	TV4			TV4
213	TVD			TVD
214	UNI			UNI
215	V12			V12
216	VBC			VBC
217	VC1			VC1
218	VC3			VC3
219	VC6			VC6
220	VC7			VC7
221	VCC			VCC
222			VCM	VCM
223	VCS			VCS
224	VE3			VE3
225	VFS			VFS
226			VGP	VGP
227	VGS			VGS

228	VHE			VHE
229	VIF			VIF
230			VIT	VIT
231			VLA	VLA
232	VMC			VMC
233	VMS			VMS
234	VNC			VNC
235	VNF			VNF
236	VNR			VNR
237	VSA			VSA
238	VSM			VSM
239			VTC	VTC
240	VTH			VTH
241	VTZ			VTZ
242	WCS			WCS

<https://www.vpbanks.com.vn/post/danh-muc-chung-khoan-giao-dich-ky-quy-ap-dung-tu-ngay-18-06-2025>

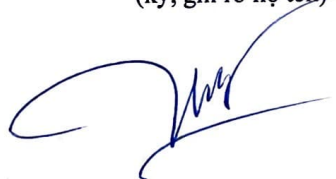
Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Người lập

(ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Thu Hà

Kiểm soát

(ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Lê

TUỔI TÔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)




Lê Văn Minh